

Số: **4256** /BKHDĐT-PTDNHà Nội, ngày **27** tháng 6 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Thông tư hướng dẫn
cơ chế tổ chức thực hiện Chương trình hỗ
trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh
doanh bền vững giai đoạn 2022-2025

Kính gửi: - Các Bộ: Tài chính, Tư pháp, Công Thương, Tài nguyên và
Môi trường; Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát
triển nông thôn, Lao động Thương binh và Xã hội.
- Ngân hàng nhà nước Việt Nam;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam.

Thực hiện khoản 1 Mục IV Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư
nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022-2025 phê duyệt tại Quyết định số
167/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế
hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, xây dựng dự thảo Thông tư hướng dẫn cơ chế tổ
chức thực hiện Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh
bền vững giai đoạn 2022-2025.

Để có cơ sở hoàn thiện trước khi ban hành, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị
quý Cơ quan có ý kiến góp ý, bổ sung và đề xuất các nội dung cho dự thảo Thông
tư, dự thảo Tờ trình (bản mềm được đăng tải tại địa chỉ <https://www.mpi.gov.vn>
và <https://business.gov.vn/>, gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15/7/2022
để kịp tổng hợp và hoàn thiện.

Mọi thông tin xin liên hệ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Cục Phát triển doanh
nghiệp (đồng chí Lê Văn Lương, email: levanluong@mpi.gov.vn, điện thoại:
08043853).

Bộ Kế hoạch và Đầu tư trân trọng cảm ơn sự phối hợp của quý Cơ quan./. *ks*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Viện/Vụ: CIEM; PC, TCTT,
KHGDNTMT, LĐVHXH (để tham gia ý
kiến);
- Trung tâm tin học (để đăng tải trên
Cổng Thông tin Bộ);
- Lưu: VT, PTDN (Lg).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG****Trần Duy Đông**

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2022/TT-BKHĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

Ngày 24/6/2022

THÔNG TƯ

Hướng dẫn cơ chế tổ chức thực hiện Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ từ nguồn ngân sách nhà nước

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022-2025;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát triển doanh nghiệp, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư hướng dẫn cơ chế tổ chức thực hiện Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022-2025.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn cơ chế tổ chức thực hiện Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022-2025 quy định tại Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là “Chương trình”), bao gồm: nguyên tắc, tiêu chí đánh giá, đo lường, công nhận các doanh nghiệp kinh doanh bền vững; tiêu chuẩn, điều kiện sử dụng kết quả của tổ chức đo lường đánh giá và công nhận doanh nghiệp kinh doanh bền vững; nội dung phát triển hệ sinh thái hỗ trợ kinh doanh bền vững; hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững từ nguồn ngân sách

nhà nước; lập, tổng hợp, giao kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững.

2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia thực hiện các hoạt động của Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022-2025 và các cá nhân, tổ chức liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Bộ công cụ đo lường, đánh giá, công nhận doanh nghiệp kinh doanh bền vững là bộ các tiêu chí, tiêu chuẩn dùng để xác định mô hình kinh doanh áp dụng kinh tế tuần hoàn hoặc mô hình kinh doanh bao trùm hoặc mô hình kinh doanh bền vững khác (sau đây gọi tắt là bộ công cụ).

2. Tổ chức thúc đẩy phát triển kinh doanh bền vững bao gồm:

a) Các cơ quan, đơn vị, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp, hiệp hội, tổ chức có tư cách pháp nhân có tôn chỉ, mục đích, chức năng nhiệm vụ hoặc thực hiện hoạt động hỗ trợ, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp kinh doanh bền vững.

3. Các doanh nghiệp khu vực tư nhân thực hiện kinh doanh bền vững (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp kinh doanh bền vững) là doanh nghiệp áp dụng mô hình kinh doanh bền vững và được đánh giá, công nhận bởi các tổ chức thúc đẩy phát triển kinh doanh bền vững theo bộ công cụ đo lường, đánh giá, công nhận doanh nghiệp kinh doanh bền vững quy định tại Thông tư này.

Chương II **CÔNG CỤ ĐO LƯỜNG, ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN DOANH** **NGHIỆP KINH DOANH BỀN VỮNG**

Điều 3. Nguyên tắc đánh giá, đo lường, công nhận các doanh nghiệp kinh doanh bền vững

1. Bảo đảm công khai, minh bạch về các tiêu chí, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục đánh giá, đo lường, công nhận các doanh nghiệp kinh doanh bền vững.

2. Các tiêu chí, tiêu chuẩn, điều kiện đánh giá, đo lường, công nhận các doanh nghiệp kinh doanh bền vững cần có phương pháp đánh giá cụ thể, có thể đo lường theo thang điểm, trọng số và không vi phạm quy định pháp luật liên quan.

3. Việc đánh giá, đo lường mô hình kinh doanh bền vững trên nguyên tắc tự nguyện, do các tổ chức thúc đẩy phát triển kinh doanh bền vững thực hiện thông qua các bộ công cụ theo quy định tại Điều 4, Điều 5 của Thông tư. Kết quả đánh giá, đo lường chia theo cấp độ áp dụng mô hình kinh doanh bền vững của doanh nghiệp và được sử dụng làm căn cứ xây dựng và triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững từ nguồn ngân sách nhà nước.

Điều 4. Hướng dẫn về tiêu chí của bộ công cụ đo lường, đánh giá doanh nghiệp kinh doanh bền vững

1. Bộ công cụ cần có đầy đủ các nhóm tiêu chí chính và lựa chọn sử dụng tiêu chí thành phần phù hợp theo một trong các mô hình bền vững quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này.

2. Đối với mô hình kinh doanh áp dụng kinh tế tuần hoàn:

a) Bộ công cụ cần bao gồm các nhóm tiêu chí chính sau:

- Các tiêu chí về sử dụng nguyên nhiên vật liệu (năng lượng, nước...)
- Các tiêu chí về tối ưu sử dụng vật liệu
- Các tiêu chí về xử lý chất thải

b) Một số tiêu chí thành phần khuyến nghị lựa chọn đối với mô hình kinh doanh áp dụng kinh tế tuần hoàn¹

- Các tiêu chí về sử dụng nguyên nhiên vật liệu (năng lượng, nước...): Tiêu chí khai thác, sử dụng tài nguyên không tái tạo, tài nguyên nước; Tiêu chí đánh giá hiệu quả sử dụng tài nguyên, nguyên liệu thô, vật liệu; Tiêu chí đánh giá tiết kiệm năng lượng; Tiêu chí đánh giá về sử dụng các sản phẩm không thân thiện môi trường; Tiêu chí đánh giá về tối ưu hóa sử dụng thiết bị, sản phẩm.

- Các tiêu chí về tối ưu sử dụng vật liệu: Tiêu chí đánh giá về kéo dài thời gian sử dụng vật liệu, thiết bị, sản phẩm, hàng hóa; Tiêu chí đánh giá về kéo dài vòng đời sản phẩm và các linh kiện, cấu kiện của sản phẩm, bao gồm: tái sử dụng (sản phẩm được người tiêu dùng khác tái sử dụng); tu sửa (sửa chữa hoặc bảo trì các sản phẩm bị lỗi để kéo dài thời gian sử dụng); tân trang (phục hồi và nâng cấp sản phẩm cũ); tái sản xuất (sử dụng các thành phần, linh kiện, cấu kiện của các sản phẩm thải bỏ vào các chức năng tương tự); thay đổi mục đích sử dụng (sử dụng các sản phẩm hoặc các linh kiện, cấu kiện của sản phẩm thải bỏ cho sản phẩm mới có chức năng khác).

- Các tiêu chí về xử lý chất thải: Tiêu chí đánh giá về hạn chế chất thải phát sinh và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường bao gồm: giảm chất thải rắn, nước thải, khí thải; Tiêu chí đánh giá về giảm sử dụng hóa chất độc hại; Tiêu chí đánh giá về tái chế chất thải (xử lý, chế biến chất thải để chuyển hóa thành nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu có ích), thu hồi năng lượng; Tiêu chí đánh giá về giảm sản phẩm sử dụng một lần; Tiêu chí đánh giá về mua sắm xanh.

¹ Tham khảo Điều 138 Nghị định 08/2022/NĐ-CP hướng dẫn luật bảo vệ môi trường

3. Đối với mô hình kinh doanh bao trùm:

a) Bộ công cụ bao gồm các nhóm tiêu chí chính sau:

- Các tiêu chí về hiệu quả hoạt động kinh doanh, năng lực của doanh nghiệp; tính bền vững và khả năng mở rộng; Tính phù hợp, tính khả thi.
- Các tiêu chí về tác động xã hội, bao trùm và đa dạng.
- Các tiêu chí về đổi mới sáng tạo.

b) Một số tiêu chí thành phần khuyến nghị lựa chọn đối với mô hình kinh doanh bao trùm:

- Các tiêu chí về hiệu quả hoạt động kinh doanh: Quy mô doanh nghiệp, lợi nhuận, khả năng thanh toán; Thị trường, sản phẩm, khả năng mở rộng thị trường; Mô hình kinh doanh, doanh thu, tăng trưởng, khả năng mở rộng quy mô; Quản trị doanh nghiệp; Đóng góp xã hội: thuế, phí, khác.

- Các tiêu chí về tác động xã hội, bao trùm: Đối tượng hưởng lợi, số lượng người hưởng lợi; Các bên liên quan như: bên cung ứng, lao động, phân phối, đối thủ cạnh tranh; khách hàng (mức độ phù hợp của sản phẩm, khả năng chi trả cho sản phẩm, phân phối); Tác động đối với xóa đói giảm nghèo.

- Các tiêu chí về đổi mới sáng tạo: Đổi mới sáng tạo trong mô hình kinh doanh; Đổi mới sáng tạo về công nghệ; Đổi mới sáng tạo về xã hội (tiêu chuẩn lao động, trách nhiệm xã hội...); Môi trường.

4. Đối với các mô hình kinh doanh bền vững khác:

a) Bộ công cụ bao gồm các nhóm tiêu chí chính sau:

- Các tiêu chí về hiệu quả kinh tế, kinh doanh, quản trị doanh nghiệp.
- Các tiêu chí về tác động môi trường.
- Các tiêu chí về tác động xã hội.

b) Một số tiêu chí thành phần khuyến nghị lựa chọn đối với mô hình kinh doanh bền vững:

- Các tiêu chí về kinh tế, kinh doanh, quản trị doanh nghiệp: Thông tin về vốn đăng ký kinh doanh, vốn đầu tư, doanh thu; Kết quả hoạt động kinh doanh: Lợi nhuận, khả năng sinh lời, kim ngạch xuất nhập khẩu; Đóng góp ngân sách; Quản trị doanh nghiệp: Kế hoạch, chiến lược kinh doanh, quản trị rủi ro, quản lý mua sắm, nhà cung cấp, khách hàng.

- Các tiêu chí về môi trường: Thông tin về sử dụng nhiên liệu hàng năm (điện, xăng, dầu, than...); Mức độ sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, nguồn năng lượng, nhiên liệu, năng lượng tái tạo; Xử lý rác thải, nước thải; Bảo vệ môi trường, phòng ngừa ô nhiễm, khắc phục sự cố và cải thiện môi trường.

- Các tiêu chí về xã hội: Thông tin về lao động, số lao động nữ, quản lý; Chế độ lương, phụ cấp; Thu nhập bình quân của lao động; Chế độ phúc lợi; Thời gian làm việc; Chính sách đào tạo lao động, chính sách sử dụng lao động, quy

tắc ứng xử trong doanh nghiệp; An toàn vệ sinh lao động; Quan hệ với khách hàng và các bên liên quan; Đóng góp thiện nguyện; Trách nhiệm xã hội.

Điều 5. Hướng dẫn về tiêu chuẩn, điều kiện sử dụng kết quả của tổ chức đo lường đánh giá và công nhận doanh nghiệp kinh doanh bền vững

1. Tổ chức thúc đẩy phát triển kinh doanh bền vững sử dụng bộ công cụ đáp ứng tiêu chí quy định tại Điều 4 và Khoản 2 Điều 5 của Thông tư này để đo lường, đánh giá doanh nghiệp kinh doanh bền vững. Kết quả đo lường, đánh giá và công nhận doanh nghiệp kinh doanh bền vững được sử dụng để thực hiện các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước.

2. Bộ công cụ thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Bộ công cụ được các cơ quan, đơn vị, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định ban hành.

b) Bộ công cụ do tổ chức thúc đẩy phát triển kinh doanh bền vững xây dựng và đã triển khai áp dụng cho tối thiểu 100 doanh nghiệp.

3. Tổ chức thúc đẩy phát triển kinh doanh bền vững gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Phát triển doanh nghiệp) các tài liệu, giấy tờ liên quan đến bộ công cụ để công bố trên Cổng thông tin doanh nghiệp tại địa chỉ <http://business.gov.vn>. Các tài liệu, giấy tờ bao gồm:

a) Giấy đề nghị công bố bộ công cụ (theo mẫu quy định tại Phụ lục số 1).

b) 01 bản tóm tắt và 01 bản mô tả chi tiết bộ công cụ (mục đích, phương pháp đánh giá/đo lường chi tiết các tiêu chí, cách thức chấm điểm, điểm trọng số, kết quả áp dụng thí điểm: thời gian thí điểm, số doanh nghiệp đã tham gia thí điểm, phạm vi địa lý, ngành nghề, lĩnh vực áp dụng thí điểm, đối tác triển khai)

c) Các tài liệu khác như cam kết hợp tác, chứng nhận của tổ chức quốc tế liên quan đến bộ công cụ (nếu có).

Chương III

NỘI DUNG HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỆ SINH THÁI KINH DOANH BỀN VỮNG TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 6. Nâng cao nhận thức về kinh doanh bền vững

1. Biên soạn các tài liệu, tờ rơi, cẩm nang về các kiến thức, pháp lý liên quan đến kinh doanh bền vững.

2. Tổ chức phổ biến thông tin, truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, báo đài, truyền hình, truyền thanh, nền tảng thông tin, mạng xã hội: Sản xuất và phổ biến các thể loại phim tài liệu, chương trình truyền hình về kinh doanh bền vững; Xây dựng các bản tin, bài báo, chương trình phát sóng, chương trình truyền hình, sự kiện về kinh doanh bền vững.

Điều 7. Tổ chức bồi dưỡng, nâng cao nhận thức, trình độ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác hỗ trợ, quản lý về kinh doanh bền vững

1. Khảo sát đánh giá năng lực, nhu cầu đào tạo về kinh doanh bền vững.
2. Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn ngắn hạn, dài hạn trong nước và nước ngoài về kinh doanh bền vững.
3. Tổ chức các chuyến tham quan thực tế, học hỏi trao đổi kinh nghiệm trong nước và nước ngoài về kinh doanh bền vững.

Điều 8. Xây dựng mạng lưới chuyên gia tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững

1. Tư vấn viên hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững được công nhận và tham gia hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định tại Thông tư 06/2022/TT-BKHDT ngày 10 tháng 5 năm 2022 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Các tổ chức thúc đẩy phát triển kinh doanh bền vững có bộ công cụ đáp ứng quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư này được công nhận là tổ chức tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững.

Điều 9. Kết nối mạng lưới hỗ trợ kinh doanh bền vững

Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến nhằm chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và thực tiễn tốt về các mô hình kinh doanh bền vững; các giải pháp, công cụ đo lường, đánh giá và công nhận doanh nghiệp kinh doanh bền vững; kết nối các tổ chức, chuyên gia, doanh nghiệp thành công điển hình trong nước và quốc tế; kết nối tổ chức tín dụng, nhà đầu tư với doanh nghiệp kinh doanh bền vững.

Chương IV

NỘI DUNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP KINH DOANH BỀN VỮNG TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 10. Hướng dẫn xác định đối tượng doanh nghiệp kinh doanh bền vững được hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước

1. Doanh nghiệp kinh doanh bền vững được hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước khi đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Là doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

b) Là doanh nghiệp được các tổ chức thúc đẩy phát triển kinh doanh bền vững đánh giá thông qua bộ công cụ theo quy định tại Điều 4, Điều 5 của Thông tư này.

2. Doanh nghiệp đáp ứng tiêu chí quy định tại Khoản 1 Điều này sẽ được hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước theo định mức hỗ trợ cao nhất quy định tại Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các nghị định hướng dẫn Luật. Nội dung và định mức hỗ trợ được quy định chi tiết tại Điều 11 Thông tư này.

3. Doanh nghiệp có nhu cầu nhận hỗ trợ từ Chương trình đăng ký nhu cầu hỗ trợ với các tổ chức thúc đẩy phát triển kinh doanh bền vững. Các tổ chức thúc đẩy phát triển kinh doanh bền vững phối hợp các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương để triển khai hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững theo quy định tại Chương IV Thông tư này.

Điều 11. Nội dung hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững

Doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chí tại khoản 1 Điều 10 được hỗ trợ các nội dung sau:

1. Hỗ trợ tư vấn, đào tạo, bao gồm cả hoạt động đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp về xây dựng chiến lược, thiết kế mô hình, phương án kinh doanh bền vững; nhân sự; tài chính, sản xuất, bán hàng, thị trường, quản trị nội bộ và các nội dung khác liên quan tới hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp, cụ thể:

a) Hỗ trợ đào tạo trực tiếp về kinh doanh bền vững:

- Hỗ trợ 100% tổng chi phí của một khóa đào tạo về kinh doanh bền vững.
- Miễn học phí cho học viên của doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh doanh bền vững khi tham gia khóa đào tạo về kinh doanh bền vững.

b) Hỗ trợ đào tạo trực tuyến về kinh doanh bền vững:

- Miễn phí truy cập và tham gia các bài giảng trực tuyến có sẵn trên hệ thống đào tạo trực tuyến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Doanh nghiệp nhỏ và vừa truy cập hệ thống đào tạo trực tuyến để học tập theo thời gian phù hợp.

- Miễn phí tham gia các khóa đào tạo trực tuyến, tương tác trực tiếp thông qua các công cụ dạy học trực tuyến có sẵn ứng dụng trên các thiết bị điện tử thông minh của đối tượng được đào tạo (Zoom Cloud Meeting, Microsoft Teams, Google Classroom và các công cụ khác).

c) Hỗ trợ đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp:

Doanh nghiệp kinh doanh bền vững được hỗ trợ 100% tổng chi phí của một khóa đào tạo tại doanh nghiệp nhưng không quá 01 khóa/năm/doanh nghiệp.

2. Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu trong nước và nước ngoài về áp dụng và phát triển mô hình kinh doanh bền vững.

a) Hỗ trợ 50% chi phí tham gia các khoá đào tạo chuyên sâu trong nước cho học viên của doanh nghiệp về xây dựng, phát triển sản phẩm; thương mại hóa sản phẩm; phát triển thương mại điện tử; gọi vốn đầu tư; phát triển thị trường; kết nối mạng lưới với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu khoa học nhưng không quá 5 triệu đồng/học viên/năm và không quá 03 học viên/doanh nghiệp/năm.

b) Hỗ trợ 50% chi phí tham gia các khoá đào tạo, huấn luyện chuyên sâu ngắn hạn ở nước ngoài nhưng không quá 50 triệu đồng/học viên/năm và không quá 02 học viên/doanh nghiệp/năm.

c) Hỗ trợ 50% chi phí đào tạo cho học viên của doanh nghiệp khi tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu theo nhu cầu phát triển bền vững của doanh nghiệp nhưng không quá 10 triệu đồng/học viên/năm và không quá 03 học viên/doanh nghiệp/năm.

d) Hỗ trợ 50% chi phí tổ chức khóa đào tạo nâng cao trình độ công nghệ, kỹ thuật sản xuất chuyên sâu tại doanh nghiệp nhưng không quá 50 triệu đồng/khoá/năm/doanh nghiệp.

3. Hỗ trợ công nghệ bao gồm: tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp; áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, đo lường chất lượng sản phẩm, dịch vụ; tư vấn sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ; tư vấn lựa chọn giải pháp chuyển đổi số.

a) Hỗ trợ tư vấn sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ:

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn xác lập quyền sở hữu trí tuệ; tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng bản mô tả sáng chế, bản thiết kế kiểu dáng công nghiệp, bản thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ 50% giá trị hợp đồng tư vấn xác lập chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở nước ngoài nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

b) Hỗ trợ chuyển giao công nghệ:

- Hỗ trợ 50% giá trị hợp đồng tư vấn chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ 50% giá trị hợp đồng tư vấn tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

c) Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng:

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đề doanh nghiệp xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở nhưng không quá 10 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp; Hỗ trợ 100% hợp đồng tư vấn xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, môi trường nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ 50% chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 10 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ 100% chi phí cấp chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật nhưng không quá 20 triệu đồng/sản phẩm/năm/doanh nghiệp.

d) Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng, môi trường; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, mô hình kinh doanh bền vững:

- Hỗ trợ 100% chi phí thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa; chi phí chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng, môi trường nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ 50% chi phí đặt hàng các cơ sở, viện, trường để nghiên cứu thử nghiệm phát triển các sản phẩm, dịch vụ bền vững nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ 50% chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ 50% chi phí thử nghiệm sản phẩm bền vững mới tại các đơn vị, tổ chức thử nghiệm sản phẩm hàng hóa nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ 50% giá trị hợp đồng tư vấn hoàn thiện sản phẩm, dịch vụ bền vững, mô hình kinh doanh bền vững, công nghệ bền vững nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

4. Hỗ trợ chi phí thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, mô hình kinh doanh bền vững.

a) Hỗ trợ 50% giá trị hợp đồng tư vấn giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp kinh doanh bền vững về quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

b) Hỗ trợ 50% chi phí cho doanh nghiệp kinh doanh bền vững thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số để tự động hóa, nâng cao hiệu quả quy trình kinh

doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ trong doanh nghiệp và chuyển đổi mô hình kinh doanh nhưng không quá 100 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.

5. Hỗ trợ tư vấn tiếp cận tài chính, gọi vốn đầu tư: Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn tiếp cận tài chính, gọi vốn đầu tư nhưng không quá 200 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

6. Hỗ trợ về truyền thông, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường cho các sản phẩm, dịch vụ kinh doanh bền vững của doanh nghiệp: hỗ trợ đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế; hỗ trợ chi phí duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế; hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn, ở cho đại diện của doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm, xúc tiến thương mại trong nước và nước ngoài, cụ thể:

a) Hỗ trợ 50% giá trị hợp đồng tư vấn đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

b) Hỗ trợ 50% chi phí duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp và không quá 02 năm kể từ thời điểm doanh nghiệp đăng ký thành công tài khoản trên sàn thương mại điện tử quốc tế.

c) Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn, ở cho đại diện của doanh nghiệp tham gia tại hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại, sự kiện về kinh doanh bền vững nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức trong nước và không quá 70 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức ở nước ngoài.

d) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn tìm kiếm thông tin, quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu sản phẩm, dịch vụ bền vững nhưng không quá 20 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

đ) Hỗ trợ 50% chi phí tham gia các cuộc thi quốc tế về kinh doanh bền vững nhưng không quá 30 triệu đồng/cuộc thi/năm/doanh nghiệp.

Điều 12. Quản lý hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp

1. Chi phí quản lý hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững theo Chương trình được bố trí không quá 10% trong tổng kinh phí ngân sách nhà nước được giao để triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình hàng năm của các cơ quan, tổ chức, bao gồm: hoạt động quản lý kế hoạch thực hiện Chương trình: đi công tác; làm thêm giờ; thông tin liên lạc; tổ chức các cuộc họp, hội thảo; thuê chuyên gia; hoạt động khảo sát đánh giá doanh nghiệp để quyết định hỗ trợ và các hoạt động khác phục vụ cho công tác hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững.

2. Hoạt động quản lý Chương trình được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện theo quy định tại khoản 3 mục II của Chương trình phê duyệt tại Quyết định số 167/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 08 tháng 02 năm 2022.

Chương V

LẬP, TỔNG HỢP, GIAO KẾ HOẠCH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP KINH DOANH BỀN VỮNG

Điều 13. Lập, tổng hợp, giao kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Hướng dẫn các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, địa phương xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình; tổng hợp nhu cầu hỗ trợ thực hiện theo Chương trình của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ gửi Bộ Tài chính đề xuất kế hoạch và dự toán kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho năm kế hoạch.

b) Xây dựng phương án giao nhiệm vụ hỗ trợ thực hiện Chương trình sử dụng nguồn ngân sách trung ương cho các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, căn cứ vào tổng dự toán chi ngân sách trung ương hỗ trợ Chương trình được bố trí; gửi Bộ Tài chính để báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định phân bổ dự toán ngân sách cho các đơn vị.

c) Thông báo nhiệm vụ thực hiện Chương trình sử dụng nguồn ngân sách trung ương cho các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức đánh giá công tác triển khai thực hiện Chương trình; tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

a) Xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách trung ương hỗ trợ Chương trình cho năm kế hoạch gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư; đồng thời tổng hợp chung trong dự toán của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

b) Xây dựng phương án giao nhiệm vụ thực hiện Chương trình sử dụng nguồn ngân sách trung ương cho các cơ quan, tổ chức thực hiện Chương trình thuộc, trực thuộc; sao gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để phối hợp, theo dõi.

c) Tổ chức triển khai các hoạt động thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, nhiệm vụ được giao; tự kiểm tra, đánh giá, chịu trách nhiệm việc thực hiện kế hoạch thực hiện Chương trình trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa bàn phụ trách; báo cáo kết quả thực hiện Chương trình gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

d) Phối hợp các tổ chức thúc đẩy phát triển kinh doanh bền vững để triển khai thực hiện Chương trình theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư đầu mối:

- Xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách địa phương hỗ trợ Chương trình; báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp theo dõi; đồng thời gửi Sở Tài chính tổng hợp chung vào dự toán ngân sách của địa phương để trình cấp có thẩm quyền.

- Xây dựng phương án giao nhiệm vụ thực hiện Chương trình sử dụng nguồn ngân sách địa phương (trên cơ sở dự toán chi ngân sách địa phương được bố trí) cho các tổ chức thúc đẩy phát triển kinh doanh bền vững trực thuộc triển khai thực hiện Chương trình của địa phương, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định; sao gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để phối hợp, theo dõi.

b) Phối hợp các tổ chức thúc đẩy phát triển kinh doanh bền vững trên địa bàn để triển khai thực hiện Chương trình theo quy định.

Điều 14. Hướng dẫn tổ chức thúc đẩy phát triển kinh doanh bền vững tham gia triển khai thực hiện Chương trình

1. Đối với tổ chức thúc đẩy phát triển kinh doanh bền vững được ngân sách giao dự toán hàng năm (trực thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các sở ban, ngành cấp tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp): xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách hỗ trợ thực hiện Chương trình, gửi cơ quan chủ quản tổng hợp chung trong kế hoạch và dự toán ngân sách hàng năm và triển khai thực hiện Chương trình theo nhiệm vụ được giao.

2. Đối với tổ chức thúc đẩy phát triển kinh doanh bền vững không có quan hệ ngân sách nhà nước: chủ động nghiên cứu, đề xuất, phối hợp với các cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện Chương trình để triển khai thực hiện Chương trình theo quy định của pháp luật.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Xây dựng tài liệu tuyên truyền, phổ biến, đào tạo, tập huấn, hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình theo quy định tại Thông tư này.

b) Xây dựng khung đánh giá, giám sát Chương trình; đào tạo, tập huấn cho các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương và tổ chức thúc đẩy phát triển kinh doanh bền vững để áp dụng thực hiện.

c) Tổng hợp báo cáo tình hình triển khai thực hiện Chương trình của các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương; thực hiện khảo sát, đánh giá định kỳ hàng năm về tình hình thực hiện Chương trình, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

d) Thực hiện khảo sát đánh giá, thu thập và công bố thông tin về các tổ chức thúc đẩy phát triển kinh doanh bền vững, chuyên gia tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững, các cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp kinh doanh bền vững;

đ) Tổ chức các chuyến học tập, trao đổi kinh nghiệm trong nước và nước ngoài cho các tổ chức thúc đẩy phát triển kinh doanh bền vững, chuyên gia tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững.

e) Chủ trì phối hợp các bộ, ngành, cơ quan liên quan xây dựng bộ công cụ đánh giá, đo lường, công nhận doanh nghiệp áp dụng mô hình kinh doanh bao trùm.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì phối hợp các bộ, ngành, cơ quan liên quan xây dựng bộ công cụ đánh giá, đo lường, công nhận doanh nghiệp áp dụng mô hình kinh doanh tuần hoàn và các mô hình kinh doanh bền vững trong phạm vi lĩnh vực quản lý, công bố thông tin trên trang thông tin của Bộ, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Phát triển doanh nghiệp) để công bố trên Cổng thông tin doanh nghiệp tại địa chỉ <http://business.gov.vn>.

b) Triển khai áp dụng bộ công cụ để đánh giá, đo lường, công nhận doanh nghiệp áp dụng mô hình kinh doanh tuần hoàn và các mô hình kinh doanh bền vững khác.

c) Xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách hỗ trợ kinh doanh bền vững hàng năm gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư; đồng thời tổng hợp chung vào dự toán của Bộ và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình theo quy định tại Thông tư này.

3. Bộ Công Thương

a) Chủ trì phối hợp các bộ, ngành, cơ quan liên quan xây dựng bộ công cụ đánh giá, đo lường, công nhận doanh nghiệp áp dụng mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững và các mô hình kinh doanh bền vững trong phạm vi lĩnh vực quản lý, công bố thông tin trên Cổng, trang thông tin của Bộ, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Phát triển doanh nghiệp) để công bố trên Cổng thông tin doanh nghiệp tại địa chỉ <http://business.gov.vn>.

b) Triển khai áp dụng bộ công cụ để đánh giá, đo lường, công nhận doanh nghiệp áp dụng mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững và các mô hình kinh doanh bền vững khác.

c) Xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách hỗ trợ kinh doanh bền vững hàng năm gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư; đồng thời tổng hợp chung vào dự toán của Bộ và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình theo quy định tại Thông tư này.

4. Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

a) Chủ trì phối hợp các cơ quan liên quan xây dựng bộ công cụ đánh giá, đo lường, công nhận doanh nghiệp áp dụng mô hình kinh doanh bền vững; công bố thông tin trên Cổng, trang thông tin của Liên đoàn, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để công bố trên Cổng thông tin doanh nghiệp tại địa chỉ <http://business.gov.vn>.

b) Triển khai áp dụng bộ công cụ để đánh giá, đo lường, công nhận doanh nghiệp áp dụng mô hình kinh doanh bền vững.

c) Xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách hỗ trợ kinh doanh bền vững hàng năm gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư; đồng thời tổng hợp chung vào dự toán của Liên đoàn và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình theo quy định tại Thông tư này.

5. Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam

a) Chủ trì phối hợp các cơ quan liên quan xây dựng bộ công cụ đánh giá, đo lường, công nhận doanh nghiệp áp dụng mô hình kinh doanh bền vững; công bố thông tin trên Cổng, trang thông tin của Hiệp hội, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Phát triển doanh nghiệp) để công bố trên Cổng thông tin doanh nghiệp tại địa chỉ <http://business.gov.vn>.

b) Triển khai áp dụng bộ công cụ để đánh giá, đo lường, công nhận doanh nghiệp áp dụng mô hình kinh doanh bền vững.

c) Xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách hỗ trợ kinh doanh bền vững hàng năm gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp và phối hợp tổ chức triển khai thực hiện Chương trình theo quy định tại Thông tư này.

6. Các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương

a) Rà soát, xây dựng các công cụ đo lường, đánh giá, công nhận doanh nghiệp kinh doanh bền vững trong phạm vi và lĩnh vực phụ trách, công bố trên Cổng, trang thông tin của cơ quan, đơn vị mình, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Phát triển doanh nghiệp) để công bố trên Cổng thông tin doanh nghiệp tại địa chỉ <http://business.gov.vn>.

b) Xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách hỗ trợ thực hiện Chương trình; tổ chức triển khai và báo cáo kết quả thực hiện gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định tại Thông tư này và các quy định hiện hành. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Phát triển doanh nghiệp) để nghiên cứu, giải quyết.

7. Các tổ chức thúc đẩy phát triển kinh doanh bền vững

a) Xây dựng các công cụ đo lường, đánh giá, công nhận doanh nghiệp kinh doanh bền vững, công bố trên Cổng, trang thông tin của cơ quan, đơn vị mình, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Phát triển doanh nghiệp) để công bố trên Cổng thông tin doanh nghiệp tại địa chỉ <http://business.gov.vn>.

b) Chủ động phối hợp với các bộ, ngành và địa phương thực hiện hỗ trợ kinh doanh bền vững theo quy định tại Thông tư này và các quy định hiện hành.

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày .. tháng.. năm 2022.
2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư này hết hiệu lực và được thay thế bằng văn bản khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản thay thế./.

Nơi nhận:

- Các bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Website: Chính phủ, Bộ KHĐT, Công báo;
- Lưu: VT, PTDN (Lg05b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Duy Đông

**Phụ lục số 1: Mẫu giấy đề nghị công bố bộ công cụ đánh giá doanh nghiệp
kinh doanh bền vững**

Mẫu số 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ BỘ CÔNG CỤ
ĐO LƯỜNG, ĐÁNH GIÁ DOANH NGHIỆP KINH DOANH BỀN VỮNG**

Kính gửi: Cục Phát triển doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Chúng tôi là (*tên tổ chức, tiếng Việt, tiếng Anh*):

Địa chỉ:

Mã số đăng ký kinh doanh/Mã số thuế/số quyết định thành lập:

Người liên hệ:

Chức vụ:

Số điện thoại:

Email:

Chúng tôi là cơ quan/tổ chức chủ trì xây dựng/sở hữu Bộ công cụ đánh giá doanh nghiệp kinh doanh bền vững với một số thông tin chính dưới đây:

Tên gọi của Bộ công cụ (*tiếng Việt, tiếng Anh*):

Quyết định/văn bản ban hành Bộ công cụ (*số, ngày tháng năm, cơ quan ban hành*):

Mục tiêu áp dụng Bộ công cụ:

Đối tượng, lĩnh vực áp dụng Bộ công cụ:

Sau khi nghiên cứu các điều kiện, tiêu chí theo quy định, chúng tôi đề nghị được xem xét hồ sơ (*đính kèm*) và công bố Bộ công cụ trên Cổng thông tin doanh nghiệp.

Trường hợp Bộ công cụ được công bố trên Cổng thông tin doanh nghiệp chúng tôi (chủ sở hữu Bộ công cụ) đồng ý:

☐ Cho phép các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác sử dụng đánh giá và công nhận doanh nghiệp kinh doanh bền vững và không cần xin ý kiến của chủ sở hữu bộ công cụ.

☐ Cho phép các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác sử dụng Bộ công cụ để đánh giá và công nhận kết quả đánh giá doanh nghiệp kinh doanh bền vững khi có sự cho phép bằng văn bản của chủ sở hữu bộ công cụ.

☐ Cho phép các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác sử dụng Bộ công cụ để đánh giá doanh nghiệp kinh doanh bền vững khi có sự cho phép bằng văn bản của chủ sở hữu bộ công cụ và kết quả đánh giá do chủ sở hữu công nhận.

☐ Không cho phép các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác sử dụng Bộ công cụ.

Chúng tôi xin cam đoan những nội dung kê khai trong hồ sơ là đúng và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Đại diện hợp pháp của tổ chức

(*Họ tên, chức vụ, ký và đóng dấu*)

Phụ lục 2: Đề xuất kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững
(Ban hành kèm Thông tư số...../2022/TT-BKHĐT ngày.....tháng.....năm..... của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
CƠ QUAN, TỔ CHỨC THỰC ĐẢY PHÁT TRIỂN KINH DOANH BỀN VỮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày tháng năm

ĐỀ XUẤT KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NSNN HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP KINH DOANH BỀN VỮNG NĂM...

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DOANH NGHIỆP KINH DOANH BỀN VỮNG NĂM 20... (năm trước năm kế hoạch)

1. Kết quả thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững năm 20...

a) Thông tin về Bộ công cụ áp dụng:

- Cơ quan tổ chức ban hành bộ công cụ; mục tiêu; đối tượng, lĩnh vực áp dụng bộ công cụ (đính kèm bản sao quyết định hoặc văn bản ban hành bộ công cụ);
- Trường hợp Bộ công cụ do cơ quan khác ban hành, ghi rõ phạm vi được sử dụng (đính kèm bản sao quyết định hoặc văn bản ban hành bộ công cụ và văn bản xác nhận hoặc bản thỏa thuận của cơ quan ban hành Bộ công cụ)

b) Các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững

- Số lượng doanh nghiệp đánh giá đo lường kinh doanh bền vững thông qua bộ công cụ (Trong đó: % doanh nghiệp nhỏ và vừa, % doanh nghiệp nhỏ và vừa do nữ làm chủ);
- Số lượng doanh nghiệp được công nhận là kinh doanh bền vững thông qua bộ công cụ;
- Nội dung hỗ trợ;
- Số kinh phí hỗ trợ từ NSNN, số kinh phí huy động từ nguồn xã hội hóa.

c) Các hoạt động phát triển hệ sinh thái hỗ trợ kinh doanh bền vững:

- Nội dung hỗ trợ;
- Số kinh phí hỗ trợ từ NSNN, số kinh phí huy động từ nguồn xã hội hóa;

d) Thuận lợi, khó khăn khi triển khai Chương trình.

đ) Kiến nghị

2. Số liệu tổng hợp kết quả thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững năm 20....

a) Tổng kinh phí đã thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững:..... đồng². Trong đó:

- Từ nguồn ngân sách trung ương: đồng.
- Từ nguồn ngân sách địa phương: đồng.

² Ghi tổng số kinh phí của theo biểu mẫu của Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính

- Từ nguồn đóng góp, chi trả của doanh nghiệp kinh doanh bền vững: đồng.

- Từ nguồn huy động, tài trợ: đồng.

b) Chi tiết số liệu tại các biểu căn cứ theo Thông tư hướng dẫn Chương trình kinh doanh bền vững của Bộ Tài chính.

II. ĐỀ XUẤT KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NSNN HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP KINH DOANH BỀN VỮNG NĂM 20... (năm kế hoạch)

1. Dự kiến kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững năm 20...

Đề nghị đơn vị xây dựng thuyết minh về những nội dung đề xuất hỗ trợ:

- Thông tin chung (Sự cần thiết triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững; Nhu cầu của doanh nghiệp kinh doanh bền vững trong lĩnh vực, địa bàn phụ trách)

- Thông tin về cơ quan, tổ chức đề xuất (Năng lực tổ chức, thực hiện; phối hợp thực hiện)

- Thông tin về Bộ công cụ dự kiến áp dụng:

+ Cơ quan tổ chức ban hành bộ công cụ; mục tiêu; đối tượng, lĩnh vực áp dụng bộ công cụ;

+ Trường hợp Bộ công cụ do cơ quan khác ban hành, ghi rõ được phép đánh giá, đo lường hay công nhận kết quả đánh giá (đính kèm Xác nhận/Thỏa thuận cho phép cho cơ quan ban hành Bộ công cụ)

- Doanh nghiệp dự kiến đánh giá đo lường kinh doanh bền vững thông qua bộ công cụ (đối tượng, phạm vi, số lượng, Quy mô)

- Số lượng doanh nghiệp kinh doanh bền vững dự kiến thực hiện hỗ trợ:.....

- Nội dung hỗ trợ:.....

- Các thông tin liên quan khác.

2. Số liệu tổng hợp về đề xuất kinh phí thực hiện hỗ trợ DNNVV kinh doanh bền vững năm 20....

a) Tổng kinh phí đề nghị để hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững:..... đồng³. Trong đó:

- Từ nguồn ngân sách trung ương: đồng.

- Từ nguồn ngân sách địa phương: đồng.

- Từ nguồn đóng góp, chi trả của doanh nghiệp kinh doanh bền vững: đồng.

- Từ nguồn huy động, tài trợ: đồng.

b) Chi tiết số liệu theo biểu mẫu của Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

....., ngày..... tháng..... năm....

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên, đóng dấu cơ quan)

³ Ghi tổng số kinh phí biểu mẫu của Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính